

Thành phố L, ngày 14 tháng 12 năm 2022

Số: 09/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thùy G, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 76, Tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 14, tổ 5, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Anh Thân Thế B, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 76, Tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 14, tổ 5, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toá án.

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thùy G và anh Thân Thế B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thùy G và anh Thân Thế B đều thuận tình ly hôn.

- **Việc nuôi con:** Chị Lê Thùy G và anh Thân Thế B có 02 con chung là Thân Thế Kh, sinh ngày 14/10/2010 và Thân Thái K, sinh năm 29/8/2014 chị G và anh B thỏa thuận như sau:

Chị Lê Thùy G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu Thân Thế Kh và cháu Thân Thái K cho đến khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Đối với con chung tên Thân Thế Kh, chị G không yêu cầu cấp dưỡng, anh B nhất trí;

+ Đối với con chung tên Thân Thái K: anh Thân Thế B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/01/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Thân Thế B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về lãi suất phát sinh đối với trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị G có đơn yêu cầu thi hành án, anh B chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- **Chia tài sản:** Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lê Thùy G và anh Thân Thế B về không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Lê Thùy G và anh Thân Thế B mỗi người phải chịu 75.000 (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh B phải chịu 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G tự nguyện nộp thay anh B tiền án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), anh B nhất trí. Tổng cộng chị Lê Thùy G phải nộp là 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị G đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/0001357 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA dân sự thành phố L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga